

BỘ NGOẠI THƯƠNG

THÔNG TƯ số 16-BNT/VP/PC ngày 18-2-1961 giải thích về quyền hạn khám xét, tạm giữ và xử lý của cơ quan hải quan.

Căn cứ điều lệ hải quan do nghị định số 3/CP của Hội đồng Chính phủ ban hành ngày 27-2-1960, Bộ ra thông tư này nhằm giải thích những điểm chính về quyền hạn khám xét, tạm giữ và xử lý của cơ quan Hải quan để các cấp hải quan nắm vững và thi hành cho thống nhất.

I. QUYỀN HẠN KHÁM XÉT VÀ TẠM GIỮ CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

Để ngăn ngừa và chống buôn lậu, điều 3 và 4 điều lệ hải quan công nhận cho cơ quan Hải quan có quyền khám người, công cụ vận tải, nhà ở, tạm giữ hàng phạm pháp, tang vật giấu hàng phạm pháp, công cụ vận tải chuyên chở hàng phạm pháp. Trường hợp phạm pháp quả tang buôn lậu lớn, có tổ chức, cơ quan Hải quan có quyền tạm giữ người phạm pháp tại trụ sở cơ quan Hải quan trong thời gian lâu nhất là hai mươi bốn giờ (24 giờ).

Chính phủ giao cho cơ quan Hải quan những quyền hạn tương đối rộng rãi trên đây để cơ quan Hải quan có thể thực hiện được những nhiệm vụ của một công cụ chuyên chính của Nhà nước dân chủ nhân dân để kịp thời xử trí với những hành vi phá hoại về kinh tế hay chính trị. Trong khi sử dụng những quyền hạn trên, cơ quan Hải quan cần phải hết sức thận trọng phải theo đúng những luật lệ hiện hành của Nhà nước, tôn trọng quyền tự do dân chủ của nhân dân và phải theo đúng những nguyên tắc về thủ tục dưới đây:

1. Khám người.

Muốn khám xét một người nào, phải có điều tra chính xác và người phải là người có triệu chứng phạm pháp thật rõ ràng mới được khám. Trước khi tiến hành khám xét phải:

— Tuyên bố cho người bị khám biết lý do khám xét.

— Ở các thành phố, thị xã, hay ở những nơi đông người không được khám người ở giữa đường phố mà phải mời người bị khám vào một trụ sở gần nhất (công an, dân quân tự vệ, Ủy ban hành chính, Hải quan...)

— Khám người phụ nữ nhất thiết phải do nữ nhân viên Hải quan hoặc nhờ một phụ nữ khám và phải khám ở nơi kín đáo.

— Khi khám người xong, nếu bắt được hàng lậu thì phải lập biên bản; nếu không bắt được hàng lậu mà người bị khám yêu cầu, thì cũng phải lập biên bản.

2. Khám công cụ vận tải.

Cơ quan Hải quan có quyền khám tất cả công cụ vận tải (tàu, thuyền bè, máy bay, xe cộ...) đang chuyển vận hoặc đậu tại bến, tại các hải cảng..., có quyền khám tất cả những bộ phận của công cụ vận tải kể cả buồng máy và máy, buồng thuyền trưởng. Việc khám xét công cụ vận tải và những bộ phận của công cụ vận tải phải theo những nguyên tắc sau đây:

— Tiến hành khám tại các bến, các hải cảng hoặc trước các trạm kiểm soát của thuế vụ, công an, dân quân tự vệ, hải quan... Trường hợp đặc biệt và thật cần thiết (như phạm pháp quả tang, khẩn cấp) để chạy qua có thể tàu thoát và mất tang vật phạm pháp, mới bắt dừng lại ở giữa đường để khám xét.

— Khám xét công cụ vận tải hoặc những bộ phận động cơ các thiết bị của công cụ vận tải, phải làm trước mặt người chủ công cụ vận tải hoặc người thay mặt và phải khám xét nhanh chóng để khỏi làm trở ngại cho hành khách và giao thông.

— Khám thấy tang vật phạm pháp hay không thấy tang vật đều phải làm biên bản ngay và phải có người chủ công cụ vận tải hay người điều khiển công cụ vận tải ký vào biên bản.

3. Khám nhà.**a) Khám nhà tư nhân:**

Chỉ có các cán bộ hải quan sau đây mới có quyền khám nhà (điều 3 điều lệ hải quan):

— Giám đốc, Phó giám đốc Sở hải quan trung ương.

— Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm Phân sở hải quan.

— Chi sở trưởng, Chi sở phó Chi sở hải quan.

— Những cán bộ hải quan thi hành lệnh viết của các cấp nói trên.

Khi tiến hành khám nhà phải theo những nguyên tắc sau đây:

— Có một ủy viên Ủy ban hành chính xã hay khu phố và một người láng giềng chứng kiến.

— Tiến hành khám xét trước mặt người chủ nhà hay người thay mặt.

— Khi khám xong, dù bắt được hay không bắt được tang vật phạm pháp cũng phải lập biên bản và phải có chữ ký của cán bộ thi hành lệnh khám nhà, của những người chứng kiến, của chủ nhà hay người thay mặt. Trường hợp chủ nhà hay người thay mặt không chịu ký tên thì phải ghi rõ lý do vào biên bản (tham chiếu điều 12 luật 103-SL/L005 ngày 20-5-1957).

Việc khám nhà nói chung phải hết sức thận trọng và phải có cơ sở chính xác để khi tiến hành khám là phải đạt được kết quả. Nguyên tắc là có thể khám nhà ban ngày cũng như ban đêm, trường hợp có thể bố trí bao vây để ban ngày khám xét cũng được thì nên để đến ban ngày hãy khám, việc khám nhà ban đêm phải hết sức hạn chế, và chỉ tiến hành trong những trường hợp thật hết sức đặc

biệt. Trường hợp khám cũng được không khám cũng được thì cương quyết không khám.

Nếu khám nhà trong những trường hợp phạm pháp quả tang (như thấy đang làm việc phạm pháp hoặc sau khi phạm pháp thì bị phát giác ngay...) trong trường hợp khẩn cấp (như đang có hành động chuẩn bị làm việc phạm pháp hoặc đã tìm thấy chứng cứ phạm pháp trong người hoặc tại nhà ở của người tình nghi phạm pháp hoặc đang có hành động chuẩn bị (tiêu hủy hoặc đang tiêu hủy tang vật phạm pháp) hoặc có triệu chứng phạm pháp (tức là những trường hợp có tang chứng, vật chứng, nhân chứng cụ thể có thể tin rằng nếu không ngăn chặn thì việc phạm pháp có thể xảy ra), những cán bộ ghi ở điều 3 của điều lệ Hải quan không có điều kiện để cùng đi khám với một ủy viên Ủy ban hành chính địa phương và không có một người láng giềng chứng kiến thì sau khi khám xong, lúc lập biên bản phải có chữ ký của chủ nhà hay người thay mặt và sau đó phải lấy chữ ký của một ủy viên Ủy ban hành chính địa phương chứng thực (tham chiếu điều 19 nghị định số 301-TTg ngày 10-7-1957).

b) Khám những nơi lui tới công cộng :

Đối với những nơi lui tới công cộng như hiệu buôn, tiệm ăn uống, phòng ngủ công cộng, khách sạn, v.v... (trừ phòng ngủ thuê dài hạn một tháng trở lên) trong giờ mở cửa tiếp khách, nhân viên Hải quan có quyền khám xét các bộ phận công cộng và những người có mặt tại đó, không phải theo những thủ tục như khám nhà tư nhân. Khi tiến hành khám xét phải có người chủ hay người đại diện những nơi công cộng này chứng kiến. Khám xét những nơi lui tới công cộng ngoài giờ mở cửa tiếp khách, coi như là khám nhà tư nhân, phải theo đúng những thủ tục như khám nhà tư nhân.

c) Khám trụ sở cơ quan :

Cơ quan Hải quan có thể khám xét trụ sở cơ quan để tìm ra hàng hóa và tang vật phạm pháp. Việc khám xét này phải được sự đồng ý của thủ trưởng cơ quan hoặc của cấp trên cơ quan đó và phải có thủ trưởng cơ quan hoặc người thay mặt chứng kiến.

d) Khám nhà bè :

Nhà bè ở những nơi tập trung (xóm chài, vịnh) và đã đăng ký hộ khẩu ở những nơi này thì coi như nhà ở, khám nhà bè trong những trường hợp này phải theo đúng những thủ tục như khám nhà tư nhân.

Nhà bè đương chuyển vận trên sông hoặc đậu ở các bến khác coi như công cụ vận tải. Khám nhà bè trong trường hợp này phải theo đúng thủ tục như khám các công cụ vận tải.

4. Tạm giữ người,

Để có đủ thời giờ khai thác tài liệu, lập hồ sơ để xử lý hoặc để chuyển sang Viện Kiểm sát nhân dân, trong trường hợp phạm pháp quả tang buôn lậu lớn, có tổ chức, cơ quan Hải quan, nếu thấy cần thiết, có quyền tạm giữ người phạm pháp tại trụ sở Hải

quan trong thời gian lâu nhất là hai mươi bốn giờ (24 giờ). Khi đã tuyên bố tạm giữ người phạm pháp, cơ quan Hải quan phải bố trí người canh gác, và phải cho ăn uống chu đáo.

Nếu xét thấy thật cần thiết tạm giữ quá 24 giờ để khai thác thêm tài liệu, điều tra thêm tổ chức, cơ quan Hải quan phải áp giải người phạm pháp kèm theo hồ sơ đầy đủ đến Viện Kiểm sát nhân dân địa phương để đề nghị ra lệnh tạm giam.

Khi đã tạm giữ người phạm pháp tại trụ sở hoặc đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tạm giam, cơ quan Hải quan phải tiến hành xét hỏi ngay. Nếu xét thấy không cần thiết phải tạm giữ hoặc tạm giam nữa thì phải trả lại tự do hoặc đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tạm tha ngay cho người phạm pháp.

Chế độ ta rất tôn trọng tự do thân thể của người công dân, nên việc tạm giữ người phải hết sức thận trọng đồng thời phải nâng cao cảnh giác, không để lọt một kẻ gian, không giam oan một người ngay. Chỉ có cán bộ từ cấp đội trưởng, trưởng phòng trở lên mới có quyền quyết định tạm giữ người phạm pháp tại trụ sở.

5. Tạm giữ hàng phạm pháp và phương tiện để chuyên chở hoặc che giấu hàng phạm pháp.

Sau khi bắt được hàng phạm pháp, phương tiện dùng để chuyên chở hoặc che giấu hàng phạm pháp cơ quan Hải quan phải nghiên cứu giải quyết ngay. Chỉ được tạm giữ hàng phạm pháp phương tiện để chuyên chở hoặc che giấu hàng phạm pháp, nếu xét sau này có thể xử lý tịch thu một phần hay toàn bộ. Trường hợp này phải do cán bộ từ cấp Chi sở trưởng trở lên quyết định.

Đối với công cụ vận tải chuyên chở hàng phạm pháp, khi giải quyết phải xét kỹ về nhiều mặt như trị giá hàng có tương xứng với trị giá công cụ vận tải không, người phạm pháp có thường dùng công cụ vận tải để chuyên chở hàng lậu không, người phạm pháp là chủ công cụ vận tải hay đi mượn, đi thuê... để xử lý cho thích đáng.

Tuyệt đối không được tạm giữ tiền, vàng, bạc hoặc những đồ dùng khác, như xe đạp, đồng hồ, bút máy... của người phạm pháp đang sử dụng hoặc để ở nhà, nếu những thứ này không có liên quan đến vụ buôn lậu, nghĩa là không phải do bán hàng lậu mà mua sắm được hoặc không phải đem đi để mua bán trao đổi hàng lậu.

Trong những trường hợp đặc biệt, như những vụ buôn lậu lớn, quan trọng, có tổ chức, nếu xét cần tạm giữ những tang vật này để đảm bảo tiền phạt, thì phải đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân địa phương ra lệnh.

Cần chú ý :

Trong khi thi hành những nhiệm vụ trên đây, nhân viên Hải quan phải mặc chế phục Hải quan, đeo phù hiệu, tuyên bố chức trách và cho người bị khám xem giấy chứng minh nếu họ yêu cầu.

II. NGUYÊN TẮC XỬ LÝ CÁC VỤ PHẠM PHÁP VỀ HẢI QUAN

1. Nguyên tắc xử lý:

Việc xử lý phải nghiêm minh, thận trọng, phải tùy theo đối tượng phạm pháp, tính chất mức độ và phạm vi tác hại của mỗi vụ phạm pháp và phải kết hợp với các chính sách của Chính phủ mà áp dụng những hình thức xử lý cho thích đáng.

Những hành vi phạm pháp về Hải quan chia làm 3 loại:

- Vi phạm thủ tục và phạm pháp nhỏ.
- Buồn lậu quan trọng.
- Buồn lậu lớn.

a) Vi phạm thủ tục và phạm pháp nhỏ:

Vi phạm thủ tục là những hành vi không tuân theo thủ tục giám quan của cơ quan hải quan, đối với hàng hóa và công cụ vận tải xuất nhập khẩu. Phạm pháp nhỏ là những hành vi của nhân dân biên giới, của những người ở các hải cảng xuất nhập trái phép một vài loại hàng lật vật trị giá ít như một vài mét vải, một vài bao thuốc lá, một vài chiếc áo may-ô...

Đối với những vi phạm thủ tục, vi phạm không thể lệ và đối với những vụ phạm pháp nhỏ, cơ quan Hải quan chỉ phê bình, cảnh cáo, bắt nộp thuế, (nếu là hàng có thuế) không tịch thu hàng.

Trong trường hợp người phạm pháp cố ý không chấp hành đúng thủ tục giám quan của cơ quan hải quan hoặc người buôn lậu nhỏ tuy tang vật ít nhưng tái phạm nhiều lần, cơ quan hải quan có thể phạt tiền nhiều nhất tới một ngàn đồng (1000 đồng).

b) Buồn lậu quan trọng:

Buồn lậu quan trọng là những hành vi có dụng ý trốn thuế, trốn thể lệ hải quan để xuất nhập khẩu lậu hàng với số lượng hoặc trị giá tương đối nhiều, hoặc những hành vi buôn lậu có thủ đoạn tinh vi, hoặc buôn lậu hàng cấm, hàng có chất độc. Những hành vi buôn lậu nhỏ nhưng có tái phạm thì cũng xem như buôn lậu quan trọng.

Đối với những hành vi buôn lậu trên đây, cơ quan hải quan phạt tiền nhiều nhất bằng hai (2) lần trị giá hàng phạm pháp; có thể tịch thu một phần hay toàn bộ hàng phạm pháp, công cụ vận tải và tang vật dùng để chuyên chở che giấu hàng phạm pháp.

Nếu kẻ phạm pháp có hành động kháng cự lại hoặc có mang vũ khí thì cơ quan hải quan có thể đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân truy tố trước Tòa án để xử phạt sau khi có ý kiến của Ủy ban hành chính địa phương.

c) Buồn lậu lớn:

Buồn lậu lớn là những hành vi buôn lậu có tác hại nghiêm trọng đến kinh tế và chính trị, buôn lậu có tổ chức, có nhiều người tham gia hoặc có vũ khí hoặc có hành động kháng cự, hành hung cán bộ hải quan, những vụ buôn lậu mà can phạm là một

tên buôn lậu đầu sỏ, hoặc chuyên sống về buôn lậu, hoặc đã được giáo dục nhiều lần nhưng vẫn tái phạm.

Đối với những hành vi buôn lậu trên đây, cơ quan hải quan phạt tiền nhiều nhất bằng ba (3) lần trị giá hàng phạm pháp, có thể tịch thu toàn bộ hàng phạm pháp, công cụ vận tải và tang vật dùng để chuyên chở, che giấu hàng phạm pháp.

Riêng đối với những vụ buôn lậu lớn, nếu xét thấy cần thiết, cơ quan hải quan có thể đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân truy tố ra trước tòa án sau khi có ý kiến của Ủy ban hành chính địa phương.

2. Nguyên tắc định giá để tính tiền phạt và tịch thu công cụ vận tải và tang vật phạm pháp.

— Trị giá hàng phạm pháp để tính tiền phạt phải căn cứ vào giá bán lẻ của Mậu dịch quốc doanh nơi xảy ra vụ phạm pháp.

— Mỗi khi định giá để tịch thu công cụ vận tải và tang vật dùng để chuyên chở, che giấu hàng phạm pháp, cơ quan hải quan phải lấy ý kiến của cơ quan thương nghiệp và tài chính địa phương để định giá cho sát.

III. THẨM QUYỀN XỬ LÝ CỦA CÁC CẤP HẢI QUAN VÀ QUYỀN KHIẾU NẠI CỦA NGƯỜI PHẠM PHÁP

Cơ quan hải quan xử lý những vụ phạm pháp về hàng hóa, muối, rượu, tiền tệ, kim khí quý, đá quý, ngọc trai xuất nhập khẩu và công cụ vận tải, tang vật dùng để chuyên chở, che giấu hàng phạm pháp dưới sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính địa phương. Đối với những vụ phạm pháp về xuất nhập khẩu muối, rượu, tiền tệ, kim khí quý, ngọc trai, trước khi xử lý phải tranh thủ ý kiến cơ quan sở quan.

1. Thẩm quyền xử lý của các cấp hải quan.

Thẩm quyền xử lý các vụ phạm pháp về xuất nhập khẩu thuộc các cấp sau đây:

— Trưởng phòng hải quan (kể cả các trưởng phòng hải quan và trưởng đội kiểm soát hải quan trực thuộc Sở Hải quan trung ương) được quyền xử lý phê bình, cảnh cáo, bắt nộp thuế.

— Chủ nhiệm Phân sở hải quan, Chi sở trưởng Chi sở hải quan được quyền phạt tiền, tịch thu hàng, số tiền phạt và giá trị hàng tịch thu cộng lại từ một ngàn đồng (1000 đồng) trở xuống. Nếu phạt tiền và tịch thu hàng giá trị cộng lại trên một ngàn đồng, phải thỉnh thị Giám đốc Sở Hải quan trung ương.

Để việc xử lý các vụ phạm pháp hải quan được chính xác đúng người và đúng tội, ở các Chi sở, Phân sở, Sở Hải quan trung ương sẽ thành lập hội đồng xử lý, Bộ Ngoại thương sẽ quy định nhiệm vụ quyền hạn, lề lối làm việc và thành phần của hội đồng này.

Nhà nước giao cho mỗi cấp hải quan thẩm quyền xử lý như trên chính là để thể hiện phương châm thận trọng trong việc xử lý và để đảm bảo quyền

lợi của nhân dân. Cơ quan hải quan phải có ý thức báo cáo thỉnh thị đối với Ủy ban hành chính, Ủy ban hành chính địa phương cần chú trọng lãnh đạo cơ quan hải quan và quy định chế độ báo cáo thỉnh thị của cơ quan hải quan về việc xử lý. Sở Hải quan trung ương cần theo dõi và thường xuyên kiểm tra mặt công tác này của các cấp Hải quan và quy định cụ thể chế độ báo cáo giữa Phòng hải quan với Phân, Chi sở hải quan và giữa Phân, Chi sở hải quan với Sở Hải quan trung ương.

2. Quyền khiếu nại của người phạm pháp.

Sau khi cơ quan hải quan xử lý, người phạm pháp có quyền khiếu nại. Các cấp hải quan khi xử lý phải ghi rõ quyền khiếu nại của người phạm pháp vào quyết định xử lý và sau khi xử lý phải tuyên bố quyền khiếu nại trên cho họ biết. Người phạm pháp muốn khiếu nại phải làm đơn. Đơn này có thể gửi cho cơ quan hải quan cấp trên hoặc các cơ quan có thẩm quyền các cấp của Nhà nước. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, trong vòng 7 ngày, các Phân, Chi sở hải quan phải gửi đơn ấy và hồ sơ của vụ phạm pháp về Sở Hải quan trung ương. Trong thời gian là 15 ngày sau khi nhận được đơn khiếu nại, Sở Hải quan trung ương phải nghiên cứu giải quyết xong, rồi báo kết quả cho đơn vị hải quan hữu quan để trả lời cho người khiếu nại biết.

Trong khi chờ đợi giải quyết, người phạm pháp phải chấp hành quyết định xử lý của cơ quan hải quan.

Sở Hải quan trung ương là cơ quan quyết định cuối cùng về phương diện xử lý hải quan.

IV. QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HẢI QUAN, VIỆN KIỂM SÁT VÀ TÒA ÁN

Các cấp hải quan cần tranh thủ sự giúp đỡ của Viện Kiểm sát và Tòa án nhân dân địa phương về phương diện thi hành pháp luật.

— Đối với những vụ buôn lậu lớn, trong quá trình từ khi mới phát hiện cho tới khi bố trí bắt, cơ quan hải quan cần báo cho Viện Kiểm sát nhân dân địa phương biết.

Đối với những vụ buôn lậu này, nếu xét thấy cần truy tố sau khi xin ý kiến của Ủy ban hành chính địa phương và Sở Hải quan trung ương, cơ quan hải quan sẽ chuyển toàn bộ hồ sơ sang Viện Kiểm sát nhân dân địa phương để đề nghị truy tố trước tòa án. Trường hợp này cơ quan hải quan không phải xử lý trước.

Đối với những trường hợp cơ quan hải quan đã xử lý mà người phạm pháp không khiếu nại, hoặc có khiếu nại mà Sở Hải quan trung ương đã giải quyết nhưng người phạm pháp không chấp hành quyết định xử lý của cơ quan hải quan thì cơ quan hải quan có thể đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân địa phương can thiệp. Nếu Viện Kiểm sát nhân dân xét thấy chưa được hợp lý thì cơ quan hải quan phải nghiên cứu để sửa lại.

Những vụ phạm pháp mà cơ quan hải quan xử lý phạt tiền, tịch thu hàng hóa hoặc tịch thu công cụ vận tải và tang vật dùng để chuyên chở, che giấu hàng phạm pháp, cơ quan hải quan phải ra quyết định xử lý. Bản sao quyết định xử lý phải gửi Sở Hải quan trung ương, Ủy ban hành chính và Viện Kiểm sát nhân dân địa phương. Hàng tháng cơ quan hải quan phải tổng hợp tất cả những trường hợp xử lý: phê bình, cảnh cáo, bắt nộp thuế để báo cáo Ủy ban hành chính và Sở Hải quan trung ương, đồng thời gửi bản sao báo cáo đó cho Viện Kiểm sát nhân dân địa phương.

Thông tư này áp dụng cho việc xử lý đối với tất cả các vụ phạm thể lệ xuất nhập khẩu hàng hóa, muối, rượu, tiền tệ, kim khí quý, đá quý, ngọc trai, kể cả những vụ phạm pháp về xuất nhập khẩu ở biên giới.

Việc xử lý các vụ phạm pháp về thuốc phiện, vàng, bạc, muối, rượu, v.v... bắt ở nội địa không thuộc phạm vi thông tư này.

Ủy ban hành chính địa phương và Sở Hải quan trung ương cần chú trọng lãnh đạo các cấp hải quan sử dụng đúng những quyền hạn trên đây cho đúng mức và đúng với pháp luật hiện hành, mặt khác Ủy ban hành chính địa phương và cơ quan hải quan cần chú ý giám sát cán bộ hải quan về các mặt lập trường, tư tưởng, chính sách, chỉ đạo chặt chẽ việc làm của cán bộ hải quan để kịp thời ngăn chặn những lệnh lạc có thể xảy ra.

Đề việc thi hành thông tư này được tốt, Bộ yêu cầu các cấp hải quan tổ chức nghiên cứu và đặt kế hoạch thi hành cho chu đáo.

Hà nội, ngày 18 tháng 2 năm 1961

Bộ trưởng Bộ Ngoại thương
PHAN ANH

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 52-TC/QĐ/TCCB ngày 9-3-1961 thành lập Trường Tài vụ và Kế toán hợp tác xã nông nghiệp trực thuộc Bộ Tài chính.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ sắc lệnh số 75-SL ngày 29-5-1946 thành lập Bộ Tài chính;

Căn cứ chỉ thị số 3-TTg ngày 4-1-1961 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tài chính, tài vụ và kế toán;

Căn cứ yêu cầu gấp rút đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài vụ và kế toán hợp tác xã nông nghiệp;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức và Cán bộ, trong khi chờ đợi nghị định chính thức của Hội đồng Chính phủ,